

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày 18 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH THANH HOÁ

- C phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Minh

Bà Lưu Thị Sen

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Bùi Thanh A**; sinh ngày 23 tháng 8 năm 1976; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng H, xã I, huyện K, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Q; con bà: Lê Thị U; có vợ là Bùi Thị R và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 17/9/2001, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cường đoạt tài sản, đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

2. **Bùi Văn B**; sinh ngày 14 tháng 01 năm 1984; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng H, xã I, huyện K, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Y; con bà: Nguyễn Thị A; có vợ là Phạm Thị U và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

3. **Bùi Văn C**; sinh ngày 12 tháng 7 năm 1987; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn **O**, xã **P**, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Bùi Văn S** (Chết); con bà: **Quách Thị Z**; có vợ là **Lê Thị X** và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

4. **Bùi Thanh D**; sinh ngày 09 tháng 12 năm 1998; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng H, xã I, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Bùi Thanh A**; con bà: **Bùi Thị AB**; có vợ là **Nguyễn Thị AC**; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

5. **Bùi Văn E**; sinh ngày 06 tháng 3 năm 1982; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn **C A**, xã **P**, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Bùi Ngọc AD** (Chết); con bà: **Phạm Thị AG**; có vợ là **Lê Thị AH** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

6. **Bùi Văn C**; sinh ngày 27 tháng 7 năm 1976; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng H, xã I, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Bùi Văn AK** (Chết); con bà: **Trương Thị AL**; có vợ là **Vũ Thị AZ** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

7. **Lê Văn F**; sinh ngày 14 tháng 7 năm 1982; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng H, xã I, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Lê Văn AV**; con bà: **Bùi Thị AN**; có vợ là **Lê Thị AM** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

8. **Tô Văn G**; sinh ngày 03 tháng 8 năm 1978; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn **O**, xã **P**, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Tô Văn BA** (Chết); con bà: **Lê Thị BS**; có vợ là **Nguyễn Thị BD** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/5/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trưa ngày 02/5/2020 Tô Văn **G** và Bùi Văn **C** (SN 1987) ở **O**, xã **P** và Lê Văn **F** ở làng H, xã I đến nhà Bùi Thanh **A**, thăm mẹ **A** bị ốm, gặp lúc gia đình đang ăn cơm trưa, **A** mời **G** và **C** ngồi uống với **A** vài chén rượu, **F** vẫn ngồi trên bàn uống nước. Ngồi tại mâm cơm **C** rủ đánh bài để góp tiền mua thịt chó chiều tiếp tục uống rượu, **F** và **G** đồng ý. **A** bảo xuống dưới bếp đã có sẵn chiếu và một bộ bài Tú lơ khơ để trên nóc tủ lạnh, thường ngày **A** dùng để chơi bài giải trí.

Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, tại gian bếp của gia đình Bùi Thanh **A**, ở làng H, xã I các đối tượng: Tô Văn **G**, Lê Văn **F**, Bùi Văn **C** (SN 1987), sử dụng bộ bài Tú lơ khơ 52 quân để đánh liêng, ăn tiền. Một lúc sau các đối tượng: Bùi Văn **E**, Bùi Thanh **A**, Bùi Văn **B**, Bùi Thanh **D** và Bùi Văn **C** (1976) vào cùng tham gia đánh bạc, bằng hình thức đánh liêng, thắng thua thanh toán trực tiếp bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trước khi được chia 03 quân bài thì mỗi người chơi phải đặt cửa số tiền 10.000 đồng, sau khi xét bài, thì những người chơi được Tổ nhưng tối đa không quá 50.000 đồng.

Đến 15 giờ 30 phút ngày 02/5/2020 Công an xã I phát hiện bắt quả tang 08 đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc. Thu giữ vật chứng của vụ án gồm: 52 quân bài Tú lơ khơ và thu giữ tại chiếu bạc 6.430.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSNL ngày 08 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **K**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Bùi Thanh **A**, Bùi Văn **C** (SN 1987), Lê Văn **F**, Tô Văn **G**, Bùi Văn **B**, Bùi Thanh **D**, Bùi Văn **E** và Bùi Văn **C** (SN 1976) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Thanh **A** từ 06 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **C** (SN 1987) từ 06 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Lê Văn **F** từ 06 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Tô Văn **G** từ 06 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **E** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **B** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Thanh **D** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **C** (SN 1976) từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ sẽ được quy đổi trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 BLHS, Phạt tiền các bị cáo: Bùi Thanh **A**, Bùi Văn **C** (SN 1987), Lê Văn **F**, Tô Văn **G**, Bùi Văn **B**, Bùi Thanh **D** và Bùi Văn **C** (SN 1976) mỗi bị cáo từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 52 cây bài Tú lơ khơ đã qua sử dụng; tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.430.000đ (Sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Bùi Văn **C** (SN 1987) khai nhận: Bị cáo là người rủ bị cáo **G** và bị cáo **F** đánh bạc tại gian bếp nhà bị cáo **A**. Bị cáo lấy bài, bị cáo **G** chải chiếu để đánh bạc. Sau đó có thêm các bị cáo **E**, **A**, **B**, **D**, **C** (SN 1976) vào tham gia đánh bạc cùng.

Bị cáo Bùi Thanh **A** khai nhận: Bị cáo đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại gian bếp của nhà mình. Khi các bị cáo khác đang đánh bạc thì bị cáo cũng xuống tham gia đánh bạc cùng các bị cáo.

Các bị cáo Lê Văn **F**, Tô Văn **G**, Bùi Văn **B**, Bùi Thanh **D**, Bùi Văn **E**, Bùi Văn **C** (SN 1976) thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, lao động theo mùa vụ. Gia đình các bị cáo **A**, **B**, **D**, **C** (SN 1976) và **F** đều có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo **E** thuộc hộ cận nghèo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 02 tháng 5 năm 2020, các bị cáo **Bùi Thanh A**, **Bùi Văn C** (SN 1987), **Lê Văn F**, **Tô Văn G**, **Bùi Văn B**, **Bùi Thanh D**, **Bùi Văn E** và **Bùi Văn C** (SN 1976) đã cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng ăn tiền tại gian bếp nhà bị cáo **Bùi Thanh A** với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 6.430.000đ (Sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo **Bùi Văn C** (SN 1987) là người khởi xướng, rủ rê các đối tượng khác tham gia đánh bạc, bị cáo là người lấy bộ bài từ trên tủ lạnh, tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo **Tô Văn G** tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, là người chải chiếu cho các bị cáo đánh bạc; bị cáo **Bùi Thanh A** tham gia đánh bạc với các bị cáo khác và đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại gian bếp nhà mình, nên các bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo **Lê Văn F** tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ ba trong vụ án.

Các bị cáo **Bùi Văn B**, **Bùi Thanh D**, **Bùi Văn E** và **Bùi Văn C** (SN 1976) tham gia đánh bạc sau nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **Bùi Thanh A**, **Bùi Văn C** (SN 1987), **Lê Văn F**, **Tô Văn G**, **Bùi Văn B**, **Bùi Thanh D**, **Bùi Văn E** và **Bùi Văn C** (SN 1976) phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 01 tình tiết giảm nhẹ như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã c khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo **C** (SN 1987), **F**, **G**, **B**, **D**, **E** và **C** (SN 1976) được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo **A**, **D**, và **C** (SN 1976) có thân nhân là người có công với nước, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Các bị cáo **C** (SN 1987), **F**, **G** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo **A** có 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo có nhân thân tốt (bị cáo **A** đã từng bị kết án về hành vi Cưỡng đoạt tài sản nhưng được xóa án tích đã lâu); các bị cáo có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo **B**, **E** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo **D**, **C** (SN 1976) có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS; các bị cáo tham gia đánh bạc sau, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, lao động theo mùa vụ, bị cáo **E** thuộc

hộ cận nghèo nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo.

Các bị cáo **B, E, D, C** (SN 1976) bị tạm giữ từ trước 06 ngày sẽ được quy đổi c 18 ngày cải tạo không giam giữ, để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo **C** (SN 1987), **G** có tài sản, nghĩ cần áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo **A, B, D, C** (SN 1976) và **F** có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghĩ không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Bị cáo **E** thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số tiền 6.430.000đ (Sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng) là tiền dùng để phạm tội nghĩ cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 52 cây bài Tú lơ khơ đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo **E** thuộc hộ cận nghèo, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy cần miễn án phí đối với bị cáo.

Các bị cáo **A, C** (SN 1987), **F, G, B, D**, và **C** (SN 1976) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **K**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **K**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Bùi Thanh A**, **Bùi Văn C** (SN 1987), **Lê Văn F**, **Tô Văn G**, **Bùi Văn B**, **Bùi Thanh D**, **Bùi Văn E** và **Bùi Văn C** (SN 1976) phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với **Bùi Văn C** (SN 1987), **Lê Văn F** và **Tô Văn G**:

Xử phạt **Bùi Văn C** (SN 1987) 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt **Tô Văn G** 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Văn **F** 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Thanh **A** 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn **C** (SN 1987), Tô Văn **G** cho Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Bùi Thanh **A**, Lê Văn **F** cho Ủy ban nhân dân xã **I**, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Bùi Thanh **A**, Bùi Văn **C** (SN 1987), Lê Văn **F** và Tô Văn **G** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Bùi Văn **B** và Bùi Văn **E**:

Xử phạt Bùi Văn **B** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 18 (Mười tám) ngày do quy đổi từ 06 (Sáu) ngày bị tạm giữ từ trước.

Xử phạt Bùi Văn **E** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 18 (Mười tám) ngày do quy đổi từ 06 (Sáu) ngày bị tạm giữ từ trước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Bùi Thanh **D** và Bùi Văn **C** (SN 1976):

Xử phạt Bùi Thanh **D** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 18 (Mười tám) ngày do quy đổi từ 06 (Sáu) ngày bị tạm giữ từ trước.

Xử phạt Bùi Văn **C** (SN 1976) 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 18 (Mười tám) ngày do quy đổi từ 06 (Sáu) ngày bị tạm giữ từ trước.

Giao các bị cáo Bùi Văn **B**, Bùi Thanh **D** và Bùi Văn **C** (SN 1976) cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Văn **E** cho Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **K**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 BLHS: Phạt tiền Bùi Văn **C** (SN 1987) và Tô Văn **G**, mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.430.000đ (Sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng), số tiền này đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện **K** theo Ủy nhiệm chi ngày 13/7/2020 của Công an huyện **K**.

Tịch thu tiêu huỷ 52 cây bài Tú lơ khê đã qua sử dụng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/7/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện **K**.

Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn **E**.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: các bị cáo Bùi Thanh **A**, Bùi Văn **C** (SN 1987), Lê Văn **F**, Tô Văn **G**, Bùi Văn **B**, Bùi Thanh **D** và Bùi Văn **C** (SN 1976) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- CQĐT CA huyện **K**;
- CQTHAHS CA huyện **K**;
- VKSND huyện **K**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Minh

Lưu Thị Sen

Nguyễn Thanh Tân

